

SỐ 1617

LUẬN TAM VÔ TÁNH

Hán dịch: Tam Tạng Pháp sư Chân Đế Đời Trần.

QUYỂN THƯỢNG

(Trích trong Luận Vô Tướng)

Luận chép: Trong phẩm thành lập không, người không đã thành không nhưng chưa lập pháp không, vì để hiển bày pháp không nên nói phẩm các pháp vô tự tánh.

Giải thích: Trước nói phẩm không, sau nói phẩm Vô tánh, là để làm gì?

Đáp: trước nói phẩm Không để hiển bày về người không, chỉ trừ phiền não chướng là đạo riêng, sau nói phẩm vô tánh để hiển bày pháp không, trừ chung nhất thiết trí chướng và phiền não chướng, là đạo chung. Lại có ứng dụng riêng, là để trừ ba thứ luận luống dối của thế gian:

1. Luận đấu tranh là hơn: Như các luận của Lộ-dà-da-đề-ca và Tăng-khư.

2. Luận đa văn là hơn: Như luận bốn bộ vi-đà và luận Đề-ha-bà.

3. Luận chánh hạnh là hơn: Như Nhị thừa giáo.

Hiện tại nói hai không để trừ ba luận này: Trước nói nhân không, để trừ hai luận một, hai của ngoại đạo, lại nói pháp không, để trừ một luận sau của Nhị thừa chấp thiên lệch cho đến luận tà chấp của ngoại đạo, hiển hiện chánh hạnh chân thật, nương vào nhân nơi hành này đạt được cứu cánh không gì sánh bằng. Lại nữa, nói nhân không để phá pháp tà, nói pháp không để an lập chánh pháp, nếu biện minh rộng về

dụng của luận như mười tám bộ, vì hiển bày dụng ấy nên nói luận này. Đây là phần thứ nhất nói về dụng.

Luận chép: Ngoại đạo hỏi: Ở trong pháp nào lập vô tánh này, trước nên an lập pháp. Nếu nói như thế thì lý vô thường có sự tương ứng, tức là có thể thấy cảnh thật và cảnh hư?

Đáp: Tất cả các pháp không ngoài ba tánh: 1. Tánh phân biệt. 2. Tánh y tha. 3. Tánh chân thật.

Tánh phân biệt là sự hiển bày tự tánh của các pháp nơi danh ngôn tức là phần tự trần thức.

Tánh y tha là dựa vào nhân, dựa vào duyên để hiển của tự tánh pháp, tức là phần loạn thức dựa vào nhân nơi nội căn, duyên nơi nội trần mà khởi.

Tánh chân thật là pháp như như. Pháp tức là tánh phân biệt và tánh y tha. Như như tức là không thật có của hai tánh. Tánh phân biệt vì không có thể tướng cho nên không thật có, tánh y tha vì không sinh cho nên không thật có, hai không thật có này đều không có thay đổi nên nói là như như, do đó gọi như như này là tánh chân thật. Đây là phần thứ hai tương ứng, tức là lập danh.

Kế là y theo ba tánh này mà nói ba vô tánh. Từ ba vô tánh, phải biết đó là lý của nhất vô tánh. Căn thứ theo phân biệt, do tướng không có tánh nên gọi là vô tánh. Vì sao? Như sự hiển hiện tướng là thật không có, nên tướng phân biệt lấy vô tướng làm tánh. Y theo tánh y tha, do sinh không có tánh nên gọi là vô tánh. Vì sao? Vì sinh này do duyên lực hợp thành, không phải tự nó làm thành. Duyên lực tức là tánh phân biệt, tánh phân biệt đã không có thể, vì không có duyên và lực, nên sinh không được thành lập. Do đó tánh y tha lấy vô sinh làm tánh. Dựa theo tánh chân thật, là do chân thật không có tánh cho nên nói vô tánh. Vì sao? Vì lý này là chân thật, tất cả các pháp do lý này mà đồng nhất vô tánh, nên tánh chân thật lấy vô tánh làm tánh.

Giải thích: Y theo tánh chân thật, do chân thật là vô tánh. Nói vô tánh là tánh chân thật này càng không có pháp nào khác, tức là chỗ không có của hai tánh trước là tánh chân thật, vì chân thật là vô tướng, vô sinh, tất cả pháp hữu vi không ngoài hai thứ tánh phân biệt và tánh y tha. Hai tánh ấy đã là chân thật vô tướng vô sinh, do lý này mà tất cả các pháp đồng nhất vô tánh.

Nhất vô tánh này, chân thật là không hay chân thật là có? Chân thật là không, vì cả hai tánh phân biệt và tánh y tha này là có. Chân thật là có, vì tất cả hai tánh phân biệt và tánh y tha này là không, nên

không thể nói có cũng không thể nói không. Không thể nói có như năm trần, không thể nói không như sừng thỏ, tức là phi hữu tánh và phi vô tánh, cho nên gọi là tánh vô tánh, cũng lấy vô tánh làm tánh nên gọi là vô tánh tánh, tức là phi an lập đế. Nếu ba tánh đó đều là an lập, thì hai tánh trước (phân biệt và y tha) là an lập thế đế, vì thế thật ra là vô mà an lập làm có. Tánh chân thật tức là an lập chân đế, vì đối với sự dứt trừ hai thứ có mà an lập hai không, gọi là chân đế. Tìm trở lại tánh này lia có lia không, cho nên là phi an lập, ba vô tánh đều là phi an lập. Đây là thứ ba tướng phần, nói về ba thứ thế tướng.

Luận chép: Ba tánh này như vậy vô tánh đã nói tướng của nó, hiện tại cần phải nói để thành lập đạo lý. Tánh phân biệt là không có thể tướng, vì sao? Vì tánh này chẳng phải sự gồm nhiếp của năm tạng. Nếu pháp là hữu thì không ngoài năm tạng là: 1. Tướng. 2. Danh. 3. Phân biệt. 4. Như như. 5. Trí vô phân biệt.

1. Tướng, là phẩm loại của các pháp làm chỗ nương của danh, cú, vị.

2. Danh, là phẩm loại của các pháp trong danh, cú, vị.

3. Phân biệt, là tâm trong ba cõi và tâm pháp.

4. Như như, cảnh giới thắng trí do pháp không hiển bày .

5. Trí vô phân biệt, là do trí này mà tất cả bậc thánh có thể thông đạt như như.

Trong năm pháp này, ba pháp đầu tiên là thế đế, hai pháp sau là chân như. Tất cả các pháp không ngoài năm pháp này. Nếu thế của tánh phân biệt là hữu pháp, thì lẽ ra thuộc về năm pháp này, vì không thuộc về nên biết thế là vô.

Ngoại đạo hỏi: Pháp này nếu không có thể tướng thì làm sao phân biệt?

Đáp: Chỉ có danh mà không có nghĩa. Vì sao? Như thế gian lập danh trong nghĩa, phạm phu chấp danh phân biệt nghĩa tánh, cho rằng danh tức là nghĩa tánh. Đây là điên đảo, nên chỉ có phân biệt mà không có thật thế.

Ngoại đạo hỏi: Làm sao biết phân biệt là chấp luống dối?

Đáp: Vì danh và nghĩa này đều là khách. Sở dĩ như vậy là vì danh trong nghĩa là khách, chẳng phải loại của nghĩa, nghĩa trong danh cũng là khách, chẳng phải loại của danh.

Ngoại đạo hỏi: Làm sao biết được cả hai đều là khách.

Đáp: Do ba nghĩa nên lý này có thể biết được:

1. Trước đối với danh mà trí bất sinh. Như danh mà thế gian lập

ra. Nếu danh này là thể tánh của nghĩa, khi chưa nghe danh thì không được nghĩa đã thấy, khi chưa được danh thì trước đã được nghĩa. Lại nếu danh tức là nghĩa, khi được nghĩa thì phải được danh. Vì không có nghĩa như vậy nên biết là khách!

2. Một nghĩa có nhiều danh. Nếu danh tức là nghĩa tánh hoặc có một vật có nhiều thứ danh, tùy theo nhiều danh cho nên phải có nhiều thể, nếu tùy theo nhiều danh mà có nhiều thể, thì pháp trái nhau được lập chung một chỗ, nghĩa này là sự trái nghịch của chứng lượng, vì không có nghĩa này nên biết là khách.

3. Danh bất định. Nếu danh tức là nghĩa tánh, thì danh đã bất định, nghĩa thể cũng phải bất định. Vì sao? Hoặc danh của vật này làm đề mục cho vật kia, thì biết danh là vật bất định, nhưng không giống như vật này, nên biết chỉ là khách. Lại ông nói: “Danh này ở trong nghĩa”. Ở trong nghĩa là thế nào? Là ở hữu nghĩa hay ở vô nghĩa? Nếu ở hữu nghĩa, thì ba câu vấn nạn ở trước lại thành. Nếu ở vô nghĩa thì danh nghĩa đều là khách. Nghĩa này nhất định thành lập.

Ngoại đạo hỏi: Nghĩa và danh chẳng phân biệt tạo tác. Vì sao? Vì thật danh có thể hiển thật nghĩa, như có đèn thật chiếu soi các bình chậu thật, nên danh nghĩa đều chẳng phân biệt!

Đáp: Nghĩa đó không đúng! Vì sao? Vì sự soi rõ đó không bình đẳng. Nếu như ông nói: “Nghĩa thật có là dùng danh để hiển nghĩa, như đèn soi màu sắc”, thì nghĩa đó không thành. Vì sao?

Nếu trước được nghĩa thì sau đó mới lập danh, như vậy khi chưa được nghĩa thì không được lập danh, đã do trước chấp lấy nghĩa sau mới lập danh, thì “Sự chấp lấy” đó cũng không thể rõ nghĩa, hướng chỉ danh của nó mà có thể hiểu rõ nghĩa hay sao? Dùng đèn để thay vật, nghĩa ấy không đúng, phải do đèn mà thấy rõ sự vật, không phải trước thấy vật sau mới cần đến đèn, nên nghĩa “Chiếu soi” đó không bình đẳng”.

Giải thích: Nói “thủ còn không thể rõ nghĩa”, là như thức trước hết đã được nghĩa, kể đó chấp lấy màu sanh vàng, hoặc chẳng phải sanh vàng... từ “thủ” rồi sau đó mới lập danh, nếu “thủ” đó có thể hiểu rõ nghĩa, không nên thức đã được nghĩa khi chưa thủ (chấp lấy), nếu như vậy thì không nhờ vào thủ mà có thể hiểu được nghĩa! Danh lập sau thủ thì lẽ nào có thể hiểu được?

Lại nếu danh có thể rõ nghĩa, thì người khác khi chưa biết danh, không nên nghe danh và không hiểu được nghĩa của nó, ví như do đèn chiếu soi sắc, người này nhờ đèn có thể hiển rõ sắc, nhưng những người khác thì do đây mà không thể thấy sắc, như vậy thì không có nghĩa này.

Nếu quyết định nhờ sự chiếu soi có thể hiển rõ sắc, thì nhờ danh để hiển nghĩa là không đúng, nên nghĩa “chiếu soi” không bình đẳng.

Luận chép: Ngoại đạo nói rằng: nếu cho do danh phân biệt nghĩa, thật ra không có nghĩa bị phân biệt, nên trong danh không có nghĩa. Trong nghĩa không có danh, cả hai đều là khách, nghĩa đó không đúng. Vì sao? Nếu người chấp danh khác với nghĩa, nghĩa khác với danh, người này đã không điên đảo. Trong nghĩa không nên có chấp một bên, không nên nghe nói tốt xấu sinh tâm vui buồn, vì danh và nghĩa không quan hệ. Nếu nghe danh tốt xấu liền sinh tâm vui buồn, thì biết danh và nghĩa tương ứng, không được cho là khách, phải biết nghĩa khách là điên đảo.

Đáp: Nghĩa đó không đúng. Vì sao? Vì thời gian lâu đã quen theo điên đảo cho nên có chấp thiên lệch này, không có quan hệ đến danh nghĩa tương ứng. Nếu người đã chấp danh khác với nghĩa, khác nhau là do danh, thì đối với nghĩa cũng không tránh khỏi sự chấp thiên lệch. Vì sao? Do thời gian lâu dài quen luyện tập danh ngôn. Chắc chắn là do pháp môn này mà sinh tâm phân biệt, khởi chấp lưỡng đối, như phàm phu thấy thân người, thì cũng biết thân này chỉ có sắc... cho đến nhóm hành như sắc v.v...

Do quen theo ngã chấp kiên cố, nên trong tự, tha nối tiếp không tránh khỏi sự chấp thiên lệch nhân ngã, danh và nghĩa phân biệt như vậy là pháp chấp thiên lệch, tức là điên đảo chấp tăng ích không có vật. Cũng như nhân ngã chấp thiên lệch, cho nên biết danh nghĩa chấp thiên lệch là pháp điên đảo, đã là điên đảo thì vì sao sinh điên đảo này mà không phải là trói buộc! Cho nên do chấp thiên lệch huân tập bản thức trở thành hạt giống có thể sinh khởi. Tánh y tha là quả vị lai, chấp thiên lệch này tức là tánh phân biệt, có thể làm nhân y tha của vị lai.

Lại do quả vị lai của tánh y tha này, lại sinh pháp chấp điên đảo vị lai, tức là do tánh y tha làm nhân, có thể sinh tánh phân biệt vị lai làm quả. Như vậy lại càng nương nhau mà sinh tử thường khởi nối tiếp không đoạn. Đây tức là thứ tư thành lập ba tánh phần. Nói tánh phân biệt và thành lập nghĩa đã xong.

Riêng có sáu thứ sai khác. Kế là nói phẩm loại sai khác của tánh này, nhưng sự sai khác của tánh phân biệt có chia ra sáu thứ:

1. Tự tánh phân biệt: Là phân biệt thể tướng của ấm như sắc... chỉ làm chứng cho sở chấp lấy của lượng, năm thức chỉ có thể chấp lấy thẳng năm trần, cho đến ý thức có thể chấp lấy thẳng pháp trần, vì các thứ phân biệt không phải ở trong một (nhất), gọi là tự tánh phân biệt, vì

chấp lấy thẳng thể tánh.

2. Sai khác phân biệt: Là hữu sắc có thể thấy và không thể thấy... sắc thì có thể thấy năm trần như hương vị thì nhãn không thể thấy, như thế tùy trong một tự tánh lại có các thứ phân biệt bất đồng, gọi là sai khác phân biệt.

3. Giác biết phân biệt: Là thấy pháp trước thì liền biết tên gọi của nó, có thể vì người khác mà nói, đã tự biết tên gọi, lại có thể khiến cho người khác được biết, gọi là giác biết phân biệt.

4. Tùy miên phân biệt: Là thấy vật trước không biết tên gọi, không thể nói bày, gọi là tùy miên phân biệt.

5. Gia hạnh phân biệt: Lại có năm thứ: 1. Tùy ái phân biệt. 2. Tăng ức phân biệt. 3. Hòa hợp phân biệt. 4. Xa lìa phân biệt. 5. Tùy xả phân biệt. Do năm phân biệt này sinh ra ba độc phiền não nên gọi là gia hạnh. Hợp năm phân biệt này mà thành tựu bốn phân biệt trước, đều là y theo nghĩa mà phân biệt.

6. Danh phân biệt: Cũng có hai thứ: 1. Hữu danh tự. 2. Vô danh tự. Hữu danh tự, là vật này thật như vậy, hoặc sắc cho đến thức, hoặc hữu vi, vô vi, hữu thường, vô thường, thiện, ác, vô ký. Những thứ chấp như vậy đều có danh tự phân biệt. Vô danh tự, là như bốn câu hỏi: đây là vật nào làm thành? Đây là thế nào? Lý do thế nào? Vì sao như? Trong bốn câu phân biệt này: Câu thứ nhất là tìm thể tánh. Câu thứ hai là tìm nhân, nói vì sao mà có như vậy. Câu thứ ba tìm thể sai khác. Câu thứ tư là tìm nhân sai khác. Bốn câu này đều là vô danh tự phân biệt, đây là y theo danh mà phân biệt năm thứ nghĩa tự tánh.

Lại có năm thứ lớp tánh của sở phân biệt: 1. Y danh phân biệt nghĩa tự tánh. 2. Y nghĩa phân biệt danh tự tánh. 3. Y danh phân biệt danh tự tánh. 4. Y nghĩa phân biệt nghĩa tự tánh. 5. Y danh nghĩa phân biệt danh nghĩa tự tánh.

1. Y danh phân biệt nghĩa tự tánh: Loại này là sắc, do thể tánh sắc mà được thành tựu, cho đến loại này là thọ tướng hành thức... do thể tánh của thức mà được thành tựu.

Giải thích: Nói người này trước kia chưa được nghĩa, trước đã được sắc danh, nghe nói sắc tướng, như vậy có hình ngại có thể nắm bắt, có hoại diệt, các tướng như vậy gọi là sắc. Người này sau khi thấy tướng mạo phẩm loại của sắc thể, như chỗ nghe trước kia mà biết đó là sắc, tức là danh tự có thể phân biệt thể tánh của sắc, cho đến thức ấm cũng thế, trước được danh mà chưa thấy thể của nó, sau khi được thể, như trước đã nghe, liền biết là thọ... cho đến thức.

Luận chép: 2. Y nghĩa phân biệt danh tự tánh, là nói loại này có thể gọi là sắc, loại kia không thể gọi là sắc, cho đến loại này có thể gọi là thức, loại kia không thể gọi là thức, do trước được nghĩa rồi sau mới phân biệt lập danh .

3. Y danh phân biệt danh tự tánh, là nói sắc danh này, như người tuy được danh của nó, nhưng chưa biết phẩm loại của danh này, liền tư lương suy nghĩ học lại sự huấn thích, gọi là y danh phân biệt danh, cho đến thức danh tìm cầu sự chỉ dẫn giải thích phẩm loại của nó cũng vậy.

4. Y nghĩa phân biệt nghĩa tự tánh, là chưa được danh của sắc, do danh bất định phân biệt sắc loại, như người chưa biết tên của vật, chỉ thấy vật thể mà phân biệt thể này khác với các vật khác, không biết quyết định là vật gì, không được định danh của nó, cho nên chỉ gọi là y nghĩa phân biệt nghĩa, cũng như sự thấy của trẻ con, chưa biết danh tự và phân biệt thức vị, cảnh giới sở đắc cũng như năm thức... đều duyên theo nghĩa không duyên theo danh.

5. Y danh nghĩa phân biệt danh nghĩa: là loại này lấy sắc làm thể, sắc này tức là danh, như người trước kia đã biết danh biết nghĩa rồi sau đó phân biệt lại, thì danh nghĩa đã biết trước kia, cho đây là sắc thể, đây tức là sắc danh, cho đến loại này lấy thức làm thể, thức này tức là danh, những thứ như vậy đều gọi là y theo danh nghĩa phân biệt danh nghĩa. Năm thứ phân biệt này tức là nói rộng tự tánh phân biệt loại thứ nhất trong sáu thứ phân biệt trước. Trước chỉ nói lược cho nên chỉ nói tự tánh phân biệt, sau nói rộng cho nên phân biệt thành năm thứ lớp tánh, như vậy sáu thứ trước và năm thứ sau đều gọi là phẩm loại sai khác của tánh phân biệt. Đã nói phẩm loại sai khác cảnh của tánh phân biệt , kế là nói công dụng của tánh phân biệt , tánh phân biệt này có thể phân biệt sáu thứ trước và năm thứ sau, bây giờ vì hiển tánh phân biệt công dụng sai khác của sáu thứ trước và năm thứ sau này. Có tám thứ phân biệt, chia là ba thứ sự loại.

Ba thứ sự loại là: 1. Hý luận loại. 2. Ngã kiến ngã mạn loại. 3. Dục đẳng hoặc loại.

Tám thứ phân biệt là:

1. Tự tánh phân biệt: Là sắc đẳng loại. Sắc tức là sắc, ấm... tức là bốn thứ ấm còn lại, tức là trước y theo danh phân biệt nghĩa... năm thứ phân biệt tự tánh, và trong sáu thức trước đầu tiên là tự tánh, những thứ như vậy đều gọi là tự tánh phân biệt.

2. Sai khác phân biệt: Là đối với loại của sắc có thể thấy và không

thể thấy, ngại và vô ngại, những thứ như vậy có vô lượng sai khác phân biệt, đều nương dựa tự tánh phân biệt, gọi là sai khác phân biệt.

3. Trong nhóm chấp một phân biệt, là đối với sự che phủ của sắc, chấp ngã, chúng sinh, mạng giả, thọ giả, các tên như vậy gọi là chung thời kỳ được lập, chấp những tên này khởi phân biệt. Lại nữa, trong nhiều pháp tụ, chấp tụ làm nhân, nói rằng nhà, quân, xe, y phục, ẩm thực... những thứ tên như vậy, đều là chung thời kỳ đã lập. Chấp các tên này mà khởi phân biệt, gọi là trong nhóm chấp một phân biệt. Hai thứ phân biệt này tức là nội phân biệt và ngoại phân biệt, trước chấp có người rồi sau chấp có pháp.

Giải thích: Chung thời kỳ, là sự lập danh tự lưu truyền trong thế gian, đều chung thời kỳ kế hợp việc đã làm, vì muốn khiến cho hiểu biết đồng nhất.

Luận chép: 4. Ngã phân biệt, nói loại này là hữu lưu, hữu thủ, thời gian lâu dài chấp ngã niệm niệm nương theo tập quán. Từ tập quán chấp thiên lệch này duyên theo loại, chỗ nương của thân kiến khởi phân biệt lưỡng đối, gọi là ngã phân biệt.

Giải thích: Loại này là hữu lưu, hữu thủ. Loại tức là thức A-lê-da làm gốc của các hoặc; hữu lưu tức là vô minh, hữu thủ tức là tham ái, phiền não nơi mười sử quá khứ do đó mà diệt mất, không thể phân biệt làm tên của các hoặc, chỉ gọi chung là vô minh có thể che chướng trí sáng. Vô minh này có thể làm nhân của các hoặc, có thể trôi lăn sinh tử nên gọi là hữu lưu. Như có số người nói, vì trôi theo sinh tử, vì tâm hữu lậu trôi lăn liên tục, vì là phi nhân giữ lấy, cho nên nói là hữu lưu. Thủ, tức là quả của nhà hữu lưu, nhân lui về quá khứ, cho nên gọi là quả hữu lưu, trong vị lai và hiện tại hiển hiện nối tiếp, nên gọi là thủ, tức là hạt giống của tùy miên tham dục trong sự hiển hiện nối tiếp. Nếu các phiền não đều đang hiển hiện trong nối tiếp thì nói lưu, thủ, lưu tức là bốn lưu, thủ tức là bốn thủ.

Như vậy nói riêng lưu và thủ đều không là bản thức. Nói loại này là hữu lưu và hữu thủ. “thời gian lâu dài ngã chấp thường nương theo tập quán”, là nói chung từ vô thủy đến nay có các hoặc của lưu và thủ ấy nên nói “Thời gian lâu dài”. Ngã chấp có ba thứ: 1. Tùy miên. 2. Thượng tâm. 3. Tập khí. Nói “sắc sắc”, tức là nói tùy miên, ngã chấp thường chấp bản thức. Nói “quán” tức là thượng tâm, ngã chấp niệm niệm quen dấy khởi. Nói “tập”, tức là nói tập khí.

Ngã chấp thường khởi là tùy miên, thượng tâm là phiền não bên trong, đặc đạo kiến đế thì hoặc này liền diệt. Tập khí là do thói quen

đã lâu, mà thành chẳng phải là chánh phiền não. Khi đắc La-hán thì phiền não này cũng chưa diệt, đắc pháp như như mới có thể dứt trừ chút ít. “Ba thứ ngã chấp này đều nương vào bản thức, duyên vào loại sự y của thân kiến, khởi luống đối phân biệt”, đây là nói về bản thức có hai nghĩa, là chỗ nương của ba thứ thân kiến. 1. Có thể làm hạt giống sanh ra thân kiến. 2. Làm cảnh giới sở duyên của thân kiến khiến khởi ngã chấp luống đối. Chính là nói duyên nơi bản thức này làm cảnh giới mà khởi, nên gọi là ngã phân biệt.

Luận chép: 5. Ngã sở phân biệt: Loại này là hữu lưu, hữu thủ, thời gian lâu dài ngã sở chấp thường nương vào tập quán. Từ tập quán chấp thiên lệch này, duyên theo loại sở tri và chỗ nương của ngã khởi phân biệt luống đối, gọi là ngã sở phân biệt. Nghĩa của cảnh giới sở chấp không khác với nghĩa thứ tư, chỉ có thể phân biệt hữu ngã chấp và ngã sở chấp là khác nhau mà thôi?

6. Ái phân biệt: Là duyên theo loại tịnh đáng ưa khởi phân biệt luống đối, gọi là ái phân biệt.

7. Tắng ước phân biệt: Là duyên theo loại bất tịnh đáng ghét khởi phân biệt luống đối, đó gọi là tăng ứng phân biệt.

8. Phi ái phi tăng phân biệt: Là duyên theo loại không đáng ưa không đáng ghét, trái lại hai phân biệt trên, gọi là phi ái phi tăng phân biệt. Nếu lược nói phân biệt, thì chỉ có hai thứ: 1. Phân biệt y chỉ. 2. Phân biệt cảnh giới. Trong tám thứ phân biệt, tự tánh và sai khác đều phân rõ nhất chấp (chấp chỉ có một. trong nhóm. Ba thứ phân biệt này có thể làm chỗ nương của hý luận phân biệt và làm cảnh giới của hý luận phân biệt. Vì sao? Vì loại này là sự khởi phân biệt của danh, tướng và ngôn, sự huân tập phân biệt của danh tướng ngôn, gọi là hý luận phân biệt. Trong ba thứ, do duyên ba tên (danh từ) mà niệm niệm khởi hành các thứ tướng mạo, phân biệt như vậy gọi là hý luận. Dùng ba thứ làm chỗ nương, ba tên làm cảnh giới, hý luận làm thể phân biệt, cảnh giới nương dựa tức là tánh phân biệt, hý luận phân biệt tức là y tha tánh.

Giải thích: Trong tám phân biệt, ba phân biệt trước gọi là hý luận, phân riêng ba thứ này thì liền thành chỗ nương, tức là cảnh giới, tức là thể của hý luận. Vì sao? Vì trong ba thứ phân biệt, mỗi thứ đều có năng, sở Năng tức là thể của hý luận, trong đối tượng thì có hai thứ là loại và danh. Loại tức là ba thứ nghĩa loại, danh tức là các thứ danh ba thứ, do đó lấy nghĩa làm chỗ nương, lấy danh làm cảnh giới, duyên theo danh tự này làm pháp môn chấp thủ đối với loại nghĩa, chính là lấy sở thủ làm chỗ nương, lấy sở duyên làm cảnh giới, là chỗ nương vào các loại,

duyên, danh, tướng, ngôn này mà khởi phân biệt. Nói “tướng ngôn”, là tâm nghĩ tướng danh và ngôn này mà nói danh này, do đó nói tướng ngôn, là phân biệt ấy làm chỗ nương của tướng và ngôn. Hiện tại trong đây lập tướng ngôn, đều là danh tự. Muốn hiển hiện danh tự có thô tế, danh là nhỏ nhiệm, tướng là nhỏ thô, ngôn thì thô nhất, nên dùng ba tên (danh tử) làm đề mục cho ba phân biệt. Thứ nhất là tự tánh phân biệt, nói về chỉ thẳng pháp thể của sắc... nghĩa này là sâu kín nên đặt tên là danh. Kế đó là sai khác phân biệt, nói về thể sai khác là nhỏ là thô cho nên đặt tên là tướng; nhất chấp. Phân biệt trong nhóm kia, là bình, nhà... những thứ này rất là thô cho nên đặt tên là ngôn. “Sự huân tập phân biệt của danh tướng ngôn, gọi là hý luận phân biệt”, là do duyên ba danh từ này làm cảnh giới khởi phân biệt, thì đối tượng phân biệt liền có huân tập nghĩa của năng phân biệt. Năng phân biệt tức là hý luận phân biệt. “Trong ba thứ, do duyên ba tên gọi mà niệm niệm khởi hành các thứ tướng mạo”, là nói về nương vào ba thứ duyên ba tên gọi làm pháp môn, thường sinh khởi các thứ tướng mạo, phân biệt nương vào cảnh giới hý luận, thể chỉ là một mà có ba nghĩa dụng.

Luận chép: Kế là ngã và ngã sở, hai phân biệt này có thể khởi thân kiến và các gốc của kiến, có thể khởi ngã mạn và các gốc của mạn.

Giải thích: Ví dụ trước của hai phân biệt này cũng phải hiểu rõ, tức là nương vào cảnh giới và thể phân biệt, trước đã nói ví dụ rồi, tự có thể hiểu không cần phân tích thêm, chỉ nói có thể sinh ngã kiến sau và khởi các gốc kiến. Do chấp có ngã cho nên sinh các kiến, ngã sở chấp có thể làm gốc của ngã mạn và các mạn.

Luận chép: Đối với hai thứ yêu ghét sau, ba phân biệt này có thể sinh dục, sân và vô minh...

Giải thích: Ba phân biệt này tức là ba độc, cho nên có thể sinh tất cả ba độc.

Luận chép: Như vậy tám thứ phân biệt, có thể làm ba thứ phẩm loại của sự dụng, ba thứ trước là loại hý luận; hai thứ kế tiếp thì thuộc loại ngã kiến và ngã mạn; ba thứ sau thì làm loại của hoặc của dục... sáu thứ phân biệt loại đầu tiên hiển hiện thuộc về nghĩa của pháp. Tất cả phân biệt đều không ngoài sáu thứ này, gồm nhiếp ba nghĩa, hai thứ lớp tánh và sai khác này là y chỉ của phân biệt. Giác biết, tùy miên và gia hạnh, ba thứ này là thể của phân biệt, một chữ danh sau là cảnh giới của phân biệt, cho nên sáu thứ nhiếp các pháp đều hết. Giác biết và tùy miên có cả ba tánh, gia hạnh chỉ có bất thiện, là thượng tâm hoặc

lìa có năm thứ: 1. Ái tùy sinh tham. 2. Tùy tắng khởi sân. 3. Tùy xả sinh vô minh. Ba thứ này là thể của phiền não, hòa hợp hoặc xa lìa là dụng của phiền não, do tham cho nên hòa hợp, do sân cho nên xa lìa, do vô minh cho nên thành chung hai thứ này. Không lập khả năng riêng, tham thì dẫn đến cảnh cho nên hòa hợp, sân thì buông bỏ cảnh nên xa lìa, do có vô minh cho nên có dẫn và xả. Do đó chung thành hai dụng. Kế đó nương vào danh mà phân biệt nghĩa... năm thứ phân biệt để nói về chỗ nương và cảnh giới của phân biệt. Chỗ nương và cảnh giới của sai khác, chỉ có tánh phân biệt gồm nhiếp tám thứ phân biệt sau: Để hiển ba thứ chương sự, là một chấp (chấp chỉ có một. Trong tự tánh sai khác. Ba thứ phân biệt này có thể sinh tâm phiền não, là nhất thiết trí chương; ngã và ngã sở, hai phân biệt này có thể sinh thục phiền não, làm chương giải thoát, khả ái khả tắng và phi ái tắng, ba thứ phân biệt này có thể sinh da phiền não, làm chương thiền định, ba phiền não này tức là ba sự loại, tâm phiền não tức là hý luận sự loại, thục phiền não tức là ngã mạn sự loại, da phiền não tức là hoặc sự loại của dục... ba sự loại này là tánh y tha. Nếu lược nói phân biệt, không ngoài ba thứ: 1. Phân biệt chỗ nương. 2. Phân biệt thể. 3. Phân biệt cảnh giới. Nếu nói phân biệt thể là tâm và tam pháp nơi ba cõi, thì chỗ nương và cảnh giới càng không có thể riêng. Lấy nghĩa loại của tự trần làm chỗ nương, lấy danh của nghĩa lợi tự trần làm cảnh giới mà thôi. Kế là nói tướng hoặc và thô nặng hoặc, nếu tánh phân biệt dấy khởi có thể làm hai hoặc trói buộc chúng sinh: 1. Tướng hoặc. 2. Thô nặng hoặc. Tướng hoặc tức là tánh phân biệt, thô nặng hoặc tức là tánh y tha, lý do hai hoặc này được lập là trong tánh y tha chấp làm tánh phân biệt, nên được lập.

Giải thích: Gọi tánh phân biệt là “tướng hoặc”, thì tướng là tướng mạo, nói tướng mạo là hoặc, vì có thể làm hoặc duyên nên nói là hoặc, chỉ có y tha tánh là chánh hoặc mà nói. “khinh nặng”, là tánh phân biệt chỉ là hoặc duyên mà nói là hoặc, cho nên nói là “khinh”, tánh y tha chính là thể hoặc, nên nói “thô nặng”, do tướng hoặc cho nên có thể chương vô phân biệt trí, không hợp vô phân biệt cảnh, phân biệt tướng mạo, do hoặc thô nặng sau chánh hoặc sinh đắc các khổ... cả hai đều nương nhau mà có, nên nói hai hoặc trói buộc chúng sinh.

Luận chép: Nếu người không đắc, không thấy hai tánh này, thì từ hai hoặc này liền là được giải thoát. Nói “không đắc” là không đắc tánh phân biệt, vì tánh này không bao giờ có thể, nên là vô sở đắc. Nói “không thấy”, là không thấy tánh y tha, vì tánh y tha tuy có thể, nhưng tâm không duyên tướng, nên tánh này cũng không có, do đó nói là

“không thấy”. Sở dĩ tánh này không đặc không thấy là do hai thứ đạo: 1. Kiến đạo. 2. Trừ đạo. Do kiến đạo nên phân biệt liền không có, nên nói là bất đặc. Do trừ đạo mà tánh y tha liền diệt, nên nói là “không thấy”.

Giải thích: Trước kia do chưa thấy lý nên khởi phân biệt tà, phi hữu cho là hữu, thì gọi là tà kiến. Do tà kiến này có thể chướng đạo đối trị, bây giờ đã thấy lý, thì liền thông suốt sự thấy phi hữu trước kia. Nói tánh phân biệt, tức là không do chánh đạo này mà có thể trừ tà kiến trước kia. Nói tánh y tha, tức là diệt mất tánh phân biệt và tánh y tha trước kia, lại không có hai thể, hiện tại kiến đạo và trừ đạo, cũng chỉ là một mà không có hai.

Luận chép: Gọi là thành lập công dụng của tánh phân biệt, tánh phân biệt có bốn nghĩa rất ráo. Kế là đây nói về thành lập tánh y tha, thể tướng của tánh này như trước đã nói. Bây giờ vì thành tựu tánh này nói thành lập đạo lý. Tánh này không chỉ lấy nói năng làm thể. Vì sao? Vì lời nói chắc chắn có chỗ nương. Nếu không nương dựa thì phẩm loại danh ngôn của loạn thức được thành lập, nhưng không có việc đó! Nếu như thế thì không có hai tánh, không có hai tánh cho nên không có hoặc phẩm, không có hoặc phẩm thì có hai lỗi: 1. Không do công dụng mà tự nhiên giải thoát. 2. Sinh tử và Niết-bàn không thể hiển hiện. Do không có hai lỗi này, nên phải biết quyết định có tánh y tha .

Giải thích: Trong đây nói danh ngôn quyết định có chỗ nương, lấy tánh y tha làm chỗ nương, do có tánh y tha mà được lập danh ngôn, nếu không có tánh này thì không có năng lập, nên trong đây nói về chỗ nương ở phẩm loại khác với trước, trước thì lấy tánh phân biệt về phẩm loại làm chỗ nương của danh ngôn.

Luận chép: Thể tướng của tánh này như thế nào?

Đáp: Chỉ là loại tướng và loại hoặc thô nặng.

Hỏi: Vì sao nói loại này là y tha?

Đáp: Vì xem nhau làm nhân duyên cùng thành tựu lẫn nhau, lý do như vậy là do duyên tướng nên thô nặng được thành tựu. Do duyên thô nặng tướng loại được thành tựu nên nói hai thứ này gọi là tánh y tha. Vì sao? Vì chẳng khác với thể. Cùng gọi là tánh y tha nhưng theo nghĩa thì rất ráo khác nhau.

Hỏi: Nếu thế thì vì sao tánh ấy do vô sinh mà gọi là tánh vô sinh?

Đáp: Lý do được gọi vô sinh, là do tha lực mà sinh, tha đã không có tự thể, thì tự không tự thể sinh được, vì không có nhân và không có

tự thể, nên vô sinh.

Hỏi: Vì sao không biết tánh này là có hay không?

Đáp: Tánh này như sở phân biệt, không như vậy mà có, cho nên không thể nói là có. Chẳng phải hoàn toàn là không, cũng không thể nói không, không phải như vậy mà có cho nên là chẳng có, không phải hoàn toàn là không cho nên chẳng không. Nếu hiểu theo ý, thì tất cả thứ danh đều có thể nói được, cũng có thể nói có, cũng có thể nói không, vừa có thể nói vừa có cũng không, cũng có thể nói phi hữu phi vô, đều không trái nhau.

Hỏi: Ở đây nói hữu là vật hữu hay là giả danh hữu?

Đáp: Có đủ hai nghĩa nên có thể nói hữu, nếu không như vậy thì hữu đó là giả danh hữu, chẳng phải hoàn toàn là vô nên gọi là vật hữu, tức là có vật.

Hỏi: Đã nói hữu, là tục hữu hay là chân hữu?

Đáp: Đều là tục hữu. Vì sao? Vì chẳng phải cảnh giới vô phân biệt.

Hỏi: Tục đế là tướng gì?

Đáp: Tục đế có ba tướng: 1. Ngã thuyết. 2. Pháp thuyết. 3. Sự thuyết.

1. Ngã thuyết là ngã, chúng sinh, thọ giả, hành giả, trời người, nam, nữ...

2. Pháp thuyết là sắc, thọ, tưởng, hành, thức...

3. Sự thuyết là kiến, văn, sinh, diệt... những thứ này gọi là tục. Tục thành lập tánh y tha này. Tánh phân biệt trước cũng có bốn thứ: 1. Thành lập hữu. 2. Thành lập thể tướng. 3. Thành lập sự dụng. 4. Thành lập sai khác. Nói về rộng thể tướng đã như trước nói, nói về đủ sự dụng, sau sẽ nói riêng. Nay trong đây trước đã nói có tánh y tha, vì muốn nói có tánh này cho nên nêu ra sự dụng của hoặc phẩm... lý do sự dụng ở tại thể tướng, trước đã lược nêu .

Luận chép: Thể tánh này như thế nào? Sau đây là lược nói về thể tướng.

Hỏi: Tục đế là tướng gì?

Đáp: Sau đây là nói về sai khác của tánh ấy. Bảy thứ như như rất nhiều nghĩa sinh, trong như như nói về dụng của phân biệt và y tha, nhân quả sinh diệt không có nghĩa trước sau. Chân đế, là bảy thứ như như: 1. Sinh. 2. Tướng. 3. Thức. 4. Y chỉ. 5. Tà hạnh. 6. Thanh tịnh. 7. Chánh hạnh.

1. Sinh như như: là nói pháp Hữu vì không có trước, không có sau.

Pháp Hữu vi, chỉ có hai tánh nhiếp, là tánh phân biệt và tánh y tha. Pháp Hữu vi này không trước, không sau, gồm có ba thứ: 1. Y theo hai tánh mà phân rõ không có trước sau. Nếu nói tánh y tha có trước thì không có tánh phân biệt, và tánh y tha không thành tựu; nếu nói tánh phân biệt có trước thì không có tánh y tha và tánh phân biệt không thành tựu, cho nên hai tánh cần thiết lẫn nhau không có trước sau, vì sinh nhau, cho nên tánh phân biệt đã không có thì tánh y tha cũng không có, vì nhất (một) cũng đều không có nên tức là như như. 2. Y theo nhân quả mà nói không có trước sau. Nếu nhân quyết định có trước, thì càng không có sở nhân, lại không thành nhân. Nếu không có nhân duyên mà tự nhiên có nhân, thì nhân vô lượng. Nếu quả nhất định có trước, thì đã không có nhân cho nên không thành quả. Nếu không có nhân duyên mà tự nhiên có quả, thì quả vô cùng, cho nên nhân quả không quyết định, trước sau chuyển lẫn nhau, đối với trước thì làm quả, đối với sau thì làm nhân, sinh tử không có bắt đầu. Thể của nhân quả như thế tức là tánh phân biệt và tánh y tha, tánh phân biệt đã không có thì tánh y tha cũng không có, tức là như như. 3. Y theo sinh diệt mà nói không có trước sau. Nếu sinh trước diệt sau, thì có hai lỗi: a. Là khi chưa có già chết thì đã liền được sinh. b. Là khi chưa xả đời này thì liền được sinh (đời) kia. Nếu thế thì lại có hai lỗi nữa: a. Chỉ có sinh mà không có diệt, thì lẽ ra là thường. b. Nếu có nhiều đời tức là nhiều chúng sinh. Nếu như thế thì nhân quả không có nghĩa là phát sinh nhau. Lại nữa, nếu thường sinh thì không có Niết-bàn. Nếu diệt có trước sinh có sau, thì khi chưa có sinh diệt, chỗ nào là diệt? Lại nữa, trước phải Niết-bàn, sau thọ sinh tử, trước có diệt cho nên đã giải thoát rồi mà lại bị trói buộc, nên sinh và diệt không có trước sau, cũng không lìa tánh phân biệt và tánh y tha, gọi là như như.

2. Tướng như như, là nhân không và pháp không. Hai không tướng này sở dĩ gọi là như như vì có ba nghĩa: 1. Là hý luận. Hý luận, là chấp chân đế và tục đế hoặc là một, hoặc là khác... bốn thứ chê bai gọi chung là hý luận. Nếu chấp chân đế và tục đế quyết định là một, thì không cần lao nhọc tu đạo mà đều được giải thoát, vì đều thấy chân đế cho nên đều là bậc thánh. Lại nữa, nếu chân đế và tục đế nhất định là một, thì chân đế không thể loại trừ tục đế, nghĩa đã không thể khiến tục đế, tục đế hoặc không trừ thì không có nghĩa giải thoát, chỉ có phàm phu mà không có bậc thánh. Nếu chấp chân đế quyết định là khác, khác với tục đế, thì nương vào tục đế mà không thể thông với chân đế, chân đế không thể lãnh hội thì không có phương tiện, cho nên nhị không lìa hý luận này gọi là như như. 2. Cảnh giới của trí vô phân biệt, trí này không

có điền đảo, không có nhóm để, có thể làm cảnh, nên sự lãnh hội của trí này tức là như như. 3. Tánh chân thật, là nếu trái nghịch với tánh này thì thành sinh tử, nếu thuận với tánh này thì đắc Niết-bàn, tánh này là tánh chân thật của tất cả pháp, nên gọi là như như. Do đó, cả hai sinh tử và Niết-bàn gọi là tướng như như, không phải là tướng không, mà lấy tướng không làm tướng!

3. Thức như như, là tất cả các hành chỉ là thức. Thức này có hai nghĩa gọi là như như: 1. thuộc về không đảo. 2. vô thay đổi. Thuộc về không điền đảo, là tất cả các pháp của mười hai nhập... chỉ là thức. Ngoài loạn thức ra thì không có các pháp khác, vì tất cả pháp đều là thức thuộc về. Đây là nghĩa quyết định nên gọi là thuộc về không điền đảo. Vì không điền đảo nên như như, không đảo như như mà chưa phải là vô tướng như như vô thay đổi, là nói về loạn thức này tức là sự hiển tự trần thức của tánh phân biệt và tánh y tha. Do tánh phân biệt không bao giờ có cho nên tánh y tha cũng không có, đây là hai thứ vô sở hữu, tức là thức A-ma-la, chỉ riêng thức này là không có thay đổi nên gọi là như như. Trước gọi là như như chỉ dứt trừ mười hai nhập, sự phân rõ tất cả pháp của tiểu thừa, chỉ có mười hai nhập không phải điền đảo, hiện tại theo nghĩa Đại thừa đã phá các nhập đều là không có, chỉ là sự tạo tác của loạn thức, mười hai nhập là điền đảo, chỉ có loạn thức thì không phải điền đảo cho nên gọi là như như, vì thể của thức này cũng còn thay đổi, kể đó là lấy tánh phân biệt và tánh y tha để dứt trừ loạn thức ấy. Chỉ có thức A-ma-la là không điền đảo, là vô thay đổi, là chân như như. Trong duy thức nghĩa ở trước cũng dùng thức này mà nói, trước hết lấy chỉ một loạn thức dứt trừ nơi cảnh ngoài, kể đó là thức A-ma-la dứt trừ loạn thức, rốt ráo chỉ có một tịnh thức.

4. Y chỉ như như, cái gọi là khổ đế. Khổ đế có ba thứ: 1. Khổ loại. 2. Khổ đế. 3. Khổ thánh đế. Khổ loại là năm thủ ấm, y chỉ của năm thủ ấm này gọi là chúng sinh, chỗ nương của khổ không ngoài năm thủ ấm ấy, cho nên gọi là khổ loại. Khổ đế là không điền đảo, vì hiểu rõ khổ loại này nhất định trái với thánh ý. Nghĩa này là thật, cho nên gọi là khổ đế. Bậc thánh duyên khổ đế này nhất định sinh xả lìa không khởi nhiễm ô. Khổ thánh đế là khổ một vị, hiểu rõ khổ đế này vì không có thể tánh cho nên là không, vì không nên vô tướng, vì vô tướng nên vô nguyện, là người không có một pháp nào có thể nguyện cầu, đây là y theo tướng chung mà phân rõ ba thể giải thoát chỉ là một, tất cả pháp không lìa cái một này, nên gọi là một vị. Thánh đế là nghĩa chánh, một vị này không có điền đảo, không có thay đổi, nên gọi là thánh đế, là an

lập chân đế, một thứ sau cùng tức là đệ nhất nghĩa đế, không có điền đảo, không có thay đổi, là phi an lập đế. Ba đế sau cũng vậy!

5. Tà hạnh như như: Cái gọi là tập đế, giống như khổ cũng có ba thứ: 1. Tập loại, là sáu thứ tham ái nướng vào sáu trần mà khởi, có thể khiến sinh tử nối tiếp không ra khỏi loại này. 2. Tập đế, là trí không điền đảo, sáu thứ tham ái này quyết định có thể khiến cho các hữu nối tiếp, chân thật vô đảo gọi là tập đế. 3. Tập thánh đế, là nhóm họp một vị không khác với bốn đế trước, đồng lấy ba môn giải thoát làm một vị.

6. Thanh tịnh như như: là cái gọi diệt đế, cũng có ba thứ: 1. Diệt loại, là bốn quả sa môn, tức là thứ kiến hoặc và tư hoặc dứt hết không sinh, chính là loại của nó. 2. Diệt đế, là không điền đảo, diệt loại này quyết định vắng lặng, chính là nghĩa của đế. 3. Diệt thánh đế, là diệt một vị, cũng không khác ở trước.

7. Chánh hạnh như như: là đạo đế, cũng có ba thứ: 1. Đạo loại, là bát thánh đạo phần, chính là loại. 2. Đạo đế, là không điền đảo, bát thánh đạo này quyết định có thể ra khỏi tập đế, chính là nghĩa của đế. 3. Đạo thánh đế, là đạo một vị, cũng không khác ở trước. Lại nữa, y chỉ chân như là khổ đế. Khổ đế là cái gọi khổ hạnh, vì vô thường. Vô thường có ba nghĩa: 1. Vô hữu vô thường, là tánh phân biệt của khổ vĩnh viễn vô sở hữu, vô sở hữu này là nghĩa vô thường, chân thật có vô sở hữu ấy, nên gọi là chân như như. Nếu lấy tiền vô (trước không có), hậu vô (sau không có) làm vô thường, thì đây là tục đế, không điền đảo gọi là như như, không phải chân như như. 2. Sinh diệt vô thường, là tánh y tha của khổ, tánh y tha này đã không phải thật hữu cũng không phải thật vô, khác với tánh chân thật cho nên không thật hữu, khác với tánh phân biệt cho nên không thật vô, không phải thật có cho nên là diệt, không phải thật không nên là sinh. Sinh diệt như vậy là nghĩa vô thường, nhưng sinh không phải thật sinh, diệt không phải thật diệt, là chân như như. 3. Lìa vô thường và không lìa vô thường, là chân thật tánh của khổ, tánh này trước tu đạo thì chưa lìa cấu, sau tu đạo thì lìa cấu. Y theo vị bất định mà nói vô thường, thể không thay đổi thì gọi là như như.

Lại nữa, tà hạnh như như, là tập đế. Tập đế là hai thứ tự tập và chân tập. Chân tập là các phiền não có thể khiến cho năm ấm nối tiếp là hữu. Tự tập là các nghiệp có thể đắc các đạo sai khác. Tập có ba thứ:

1. Huân tập tập, là tánh phân biệt loại hoặc có thể huân tập và khởi tập. Vì sao? Vì phân biệt loại hoặc có thể gây ra tác nhân của tập. 2. Phát khởi tập, là phiền não và nghiệp. Vì sao? Vì do phiền não nghiệp này sinh khởi mà thành.

Giải thích: Phát khởi tập này tức là tánh y tha, thể của tánh y tha tức là phiền não và nghiệp, do tánh này có thể sinh khởi tự thể của năm ấm ở vị lai, cũng làm tánh phân biệt, đã sinh tức là tự sinh, vì tha sinh nên gọi là phát khởi tập.

Luận chép: 3. Bất tương ly tập, là tập như như. Thể của như như này chưa lìa chướng nên gọi là tập đế. Vì sao? Vì như như này là tánh của nhà tập, là sự chướng của tập, nên nói là tập như như, ba thứ này là ba vô tánh nên gọi là như như. Lại nữa, thanh tịnh như như là cái gọi diệt đế. Cũng có ba nghĩa: a. Thể tướng không sinh diệt, là phân biệt loại hoặc vốn không có thể tướng, cho nên gọi là diệt. b. Năng chấp vô sinh diệt, là chỉ có loạn thức loại hoặc do nhân, do duyên, vốn không có sinh nên gọi là diệt. c. cấu tịnh nhị diệt (cấu và tịnh đều diệt), là xưa nay thanh tịnh và vô cấu thanh tịnh, y theo tánh phân biệt mà nói là xưa nay vô cấu, y theo tánh y tha mà nói là vô cấu thanh tịnh. Vì sao? Vì tánh này hữu thể thì có thể nhiễm ô, do đạo trừ cấu mà được thanh tịnh, xưa nay thanh tịnh tức là trước tu đạo và giữa tu đạo, vô cấu thanh tịnh tức là sau tu đạo. Hai thanh tịnh này cũng gọi là hai thứ Niết-bàn, tức là sự đắc của trạch diệt tu đạo. Y theo trước mà nói có vốn có, dựa theo sau mà nói mới có, nên gọi là thanh tịnh như như.

Lại nữa, chánh hạnh như như là cái gọi là đạo đế, cũng có ba nghĩa: a. Tri đạo, là y theo tánh phân biệt, thì tánh này không có thể, chỉ cần biết không có thì sẽ diệt mất, nên gọi là tri đạo. b. Trừ đạo, là y theo tánh y tha, thì tánh này có thể, do đó phải biết là loại phiền não đáng phải trừ diệt, nên gọi là trừ đạo. c. Chứng đắc đạo, là y theo tánh chân thật thì tánh này là hai không, phải biết trừ diệt mà đáng được đắc, nên gọi là chánh hạnh như như. Thể chân đế của bảy thứ này tức là ba vô tánh, nên gọi chung là như như. Trong bảy thứ này, ba thứ trước là tánh phi an lập. Vì sao? Vì ba thứ này chỉ có khác tên mà không khác thể. Sinh như như là lý do đầu tiên có thể trừ diệt, tướng như như sở dĩ xếp kế đó thì đồng, là diệt của nhà sinh. Thức như như do đó xếp ở sau, là vì phương tiện của nhà diệt, bốn như như sau là an lập đế, vì sao? Vì bốn như như này y cứ theo dụng mà lập danh, vì dụng có bốn thứ, không y theo thể mà lập danh vì thể chỉ có một vị. Nương dựa sở dĩ đứng đầu, là vì phải thấy biết, hai nghĩa phải biết đó là: 1. sở tri có nhiều cảnh . 2. Chỉ biết nghĩa cần biết, không cần biết nghĩa nào khác.

1. Sở tri có nhiều cảnh . Trong khổ đế có bốn thứ nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã, ngoài ra tập, diệt và đạo ba đế chỉ có bốn danh, không có bốn nghĩa khác, vì sao? Vì tập đế chỉ nương vào nghĩa để làm

thật, diệt đế thì chỉ lấy vắng lặng làm thật, đạo đế thì lấy ra khỏi làm thật, ngoài ra có chín nghĩa như hữu duyên... đều là giả danh.

2. Chỉ biết nghĩa cần biết, không cần biết nghĩa nào khác. Khổ là nghiệp quả báo không phải phiền não nên không thể trừ, không phải thắng đức nên không cần chứng, chẳng phải chánh hạnh nên không cần tu, chỉ vì chán lìa là lý do cần phải biết, do đó càng không có nghĩa đoạn, chứng hay tu... nếu hiểu nghĩa này thì liền có thể dứt trừ các hoặc, nên tà hạnh tại như như thứ hai; do hoặc diệt chứng đắc thanh tịnh, cho nên thanh tịnh ở như như thứ ba, do chứng đắc thanh tịnh đầy đủ, nên chánh hạnh tròn đầy. Vì sao? Vì đạo có ba dụng: 1. Thấy nghĩa chân thật. 2. Trừ pháp ác. 3. Có thể đạt đến vắng lặng. Ba dụng này nếu được đầy đủ thì đạo dụng tròn đầy, nên nói chánh hạnh ở như như thứ tư. Bảy thứ như như này tức là tánh chân thật.

